

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/12/2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hồ
- Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 937/TB-TA ngày 03/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần Hoàng C, sinh năm 1978;
Địa chỉ: A khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1979;
Địa chỉ: A khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2025, bản biên lấy lời khai ngày 12/11/2025, ông Nguyễn Trần Hoàng C trình bày:

Ông C và bà Phan Thị Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long vào năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2025 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường gây gổ nhau và vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả; ông và bà T không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2025 đến nay.

Nay ông C xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thanh T. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn An H, sinh ngày 06/02/1999, hiện đã trưởng thành; về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có. Do bận công việc, không có thời gian đến Tòa án nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, ông C cam kết không khiếu nại gì về việc vắng mặt này.

Tại văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 24/10/2025, bị đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Trần Hoàng C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/3/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2025 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất hoà, thường xuyên gây gổ và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả; vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2025 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn An H, sinh ngày 06/02/1999, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có. Do bận công việc làm ăn xa, không thể tham gia tố tụng tại Tòa án nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trần Hoàng C; về con chung: có 01 con chung hiện đã trưởng thành; về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Trần Hoàng C yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Thanh T, bà T có địa chỉ tại A khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long. Ông C, bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông C, bà T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long vào năm 1999 nên hôn nhân của ông C và bà T là hợp pháp. Theo lời trình bày của ông C thì vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường cãi nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Bà T cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và bà T cũng đồng ý ly hôn với ông C1. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông C và bà T thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn An H, sinh ngày 06/02/1999, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự đều khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các bên đương sự đều khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông C phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trần Hoàng C đối với bà Phan Thị Thanh T. Ông Nguyễn Trần Hoàng C được ly hôn với bà Phan Thị Thanh T. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trần Hoàng C và bà Phan Thị Thanh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn An H, sinh ngày 06/02/1999, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Trần Hoàng C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 706.000 (bảy trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008113 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Thi hành án dân sự tỉnh V hoàn lại cho ông Nguyễn Trần Hoàng C 406.000 (bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

6/ Ông Nguyễn Trần Hoàng C, bà Phan Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND phường A, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi

